|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH NINH THUẬN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-UBND | *Ninh Thuận, ngày tháng 7 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia**

**đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19/6/2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 159/TTr-SNNPTNT ngày 21/6/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 2; - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; - VPUB: LĐ, KTTH, TCDNC, VXNV; - Lưu: VT. PHT | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Lê Huyền** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH NINH THUẬN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH**

**Phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025**

**trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2022*

*của UBND tỉnh Ninh Thuận)*

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

1. Đặc điểm tự nhiên

Ninh Thuận là tỉnh ven biển duyên hải Nam Trung Bộ, nằm trong vùng khô hạn nhất cả nước, khí hậu nhiệt đới gió mùa; tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 3.358 km2; hệ thống sông Cái Phan Rang có chế độ dòng chảy được phân thành hai mùa rõ rệt *(mùa lũ và mùa kiệt);* bờ biển dài 105 km. Với địa hình ba dạng chính là núi, đồi gò bán sơn địa và đồng bằng ven biển, cùng những đặc điểm về khí hậu, ngoài những thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Ninh Thuận thường xuyên chịu ảnh hưởng của nhiều loại hình thiên tai như: nắng nóng, hạn hán, bão, áp thấp nhiệt đới, dông sét, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở đất…

2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Giai đoạn 2016 – 2020, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt 9,45%/năm; riêng năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, dịch bệnh, tăng trưởng GRDP vẫn đạt 9,58%.

Giai đoạn 2021-2025: Phấn đấu tốc độ tăng trưởng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) đạt 10-11%/năm. Đến năm 2025, quy mô nền kinh tế tăng 1,9 lần so với năm 2020; GRDP bình quân đầu người đạt 113-115 triệu đồng/người,...

Dân số tỉnh Ninh Thuận tính đến năm 2020 là 593.644 người, phân bố dân cư không đều giữa miền núi và đồng bằng, tỷ trọng dân số sống ở khu vực thành thị tiếp tục xu hướng tăng, khu vực nông thôn giảm dần. Sự gia tăng dân số và tốc độ đô thị hóa nhanh đã gây sức ép nặng nề, làm suy thoái tài nguyên và môi trường (tình trạng lấn chiếm dòng chảy, chiếm dụng khu vực cửa sông, ven biển, ven suối; khai thác tài nguyên khoáng sản bừa bãi; chặt phá rừng, đốt rừng, gia tăng rác thải). Đây là những tác nhân tăng nguy cơ xuất hiện các loại hình thiên tai.

3. Tình hình thiên tai

Trong những năm qua ở nước ta nói chung, tỉnh Ninh Thuận nói riêng, thời tiết có những diễn biến bất thường, thiên tai xảy ra dồn dập, cường độ ngày càng ác liệt hơn: Từ năm 2016 đến 2020, có 65 cơn bão/ATNĐ hoạt động trên Biển Đông, trong đó ảnh hưởng trực tiếp đến Ninh Thuận là 05 cơn vào các năm 2017, 2018 gây ra những đợt mưa lớn diện rộng. Mưa lớn, lượng mưa phổ biến trung bình hàng năm ở vùng đồng bằng khoảng 900mm, vùng núi khoảng 1.300mm, vùng giáp Khánh Hòa-Lâm Đồng hơn 2.000mm. Lượng mưa có xu hướng cực đoan hơn, tập trung vào một số trận, gây ra lũ lụt, sạt lở đất, như ngày 25/11/2018 tại Quán Thẻ có lượng mưa 333mm. Từ năm 2016 đến 2020, số lượng trận lũ có nhiều biến động, năm 2017 là năm có nhiều trận lũ kỷ lục 30 trận, năm 2019 là năm có số trận lũ 04 trận, thấp hơn nhiều so với TBNN. Đặc tính chung, do mưa lớn tập trung trong thời gian ngắn, kết hợp điều tiết xả lũ của các hồ chứa gây trận lũ có cường xuất lớn, như ngày 25/11/2018 xuất hiện đỉnh lũ xấp xỉ lũ lịch sử 2010. Hạn hán ngày càng phức tạp, đặc biệt năm 2016 là đợt hạn hán khốc liệt nhất trong 11 năm trở lại đây trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, nắng nóng gay gắt, dông, lốc, sét, sạt lở đất,…cũng xảy ra thường xuyên. Đây là thách thức to lớn đối với công tác phòng, chống thiên tai.

4. Dự báo các rủi ro thiên tai phải tập trung phòng, chống

- Bão, áp thấp nhiệt đới.

- Lũ lụt, ngập úng trên diện rộng, ngập úng do mưa.

- Lũ quét, sạt lở đất; sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Hạn hán, xâm nhập mặn.

**II. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH**

1. Mục tiêu chung: Xác định những nhiệm vụ chủ yếu trong công tác phòng, chống thiên tai cần tập trung thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 nhằm triển khai Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu để chủ động ứng phó, giảm thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai và liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai.

b) Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, nhất là một số loại hình thiên tai chủ yếu thường xảy ra trong thời gian gần đây và có khả năng xảy ra trong thời gian tới như áp thấp nhiệt đới, bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn.

c) Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống thiên tai gắn với kế hoạch phát triển của các ngành, địa phương và phát triển kinh tế xã hội, phát huy hiệu quả đầu tư.

d) Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng bộ với phát triển cơ sở hạ tầng khác, gắn với xây dựng nông thôn mới.

**III. NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP TỔNG THỂ**

1. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế chính sách về phòng, chống thiên tai

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và pháp luật khác có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh như: Khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, thủy lợi, đất đai, lâm nghiệp, đấu thầu để bảo đảm đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, huy động được nguồn lực, nhất là nguồn lực ngoài ngân sách cho công tác phòng, chống thiên tai.

b) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phòng, chống thiên tai; thu hút doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ và đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ người dân di dời khỏi khu vực thường xuyên xảy ra ngập lụt sâu, nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở; nghiên cứu chế độ đặc thù, ưu đãi nghề đối với lực lượng trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai phù hợp với chủ trương của đảng, pháp luật của nhà nước.

2. Thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, kỹ năng, nâng cao nhận thức về phòng, chống thiên tai

a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai, rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm nâng cao nhận thức của người dân thông qua Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, phương tiện thông tin đại chúng khác, với các hình thức phù hợp.

b) Phổ biến kiến thức, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là kỹ năng ứng phó khi xảy ra tình huống thiên tai lớn, phức tạp cho các cấp chính quyền cơ sở, người dân và doanh nghiệp để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, giảm thiệt hại.

c) Đưa kiến thức phòng chống thiên tai vào chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa của một số cấp học, bậc học; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực tại cộng đồng, sự kiện văn hóa cấp thôn, xã.

d) Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, trong đó tập trung:

- Xây dựng hệ thống thông tin, truyền tin cảnh báo thiên tai từ trung tâm cấp xã đến các thôn và người dân.

- Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cho lực lượng phòng, chống thiên tai cấp cơ sở, các tình nguyện viên, hướng dẫn viên.

- Tổ chức cho cộng đồng dân cư tham gia đánh giá rủi ro thiên tai, lập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai ở cấp xã, xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và kỹ năng lồng ghép hoạt động phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã.

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức, tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai cho cộng đồng.

- Tổ chức diễn tập phương án ứng phó với các loại hình thiên tai ở cộng đồng cấp xã.

3. Nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai

a) Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, lực lượng phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn chuẩn hóa năng lực cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai.

b) Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tham mưu, chỉ đạo phòng, chống thiên tai cho lực lượng cán bộ chuyên trách; tập huấn kỹ năng xử lý tình huống cho lực lượng trực tiếp quản lý đê điều, phòng, chống thiên tai và lực lượng tham gia phòng, chống thiên tai.

c) Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo phục vụ hoạt động của cơ quan tham mưu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, trong đó tập trung cập nhật, bổ sung cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tham mưu chỉ đạo điều hành, hỗ trợ ra quyết định phòng, chống thiên tai; mua sắm trang thiết bị chuyên dùng.

d) Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy điều hành, phối hợp hiệp đồng các lực lượng.

4. Nâng cao năng lực, chất lượng công tác dự báo, cảnh báo thiên tai

a) Xây dựng, rà soát phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo rủi ro thiên tai, nhất là lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn.

b) Nâng cấp, hiện đại hóa công nghệ dự báo, cảnh báo thiên tai, nhất là khu vực miền núi và ven biển đáp ứng yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống dự báo dựa trên tác động, cảnh báo dựa trên rủi ro đối với các hiện tượng, thiên tai khí tượng thủy văn.

c) Tiếp tục xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng; hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai ứng phó với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác dự báo khí hậu; điều tra, đánh giá tài nguyên khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu.

d) Hiện đại hóa hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn theo hướng tự động hóa, nhất là hệ thống trạm đo mưa; nâng cấp hạ tầng truyền dẫn trong việc thu thập số liệu khí tượng thủy văn.

đ) Phát triển công nghệ dự báo số và công nghệ dự báo định lượng mưa; công nghệ dự báo lũ phục vụ vận hành hồ chứa.

5. Điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai; xây dựng quy hoạch, kế hoạch phương án phòng, chống thiên tai

a) Về điều tra cơ bản: Tập trung điều tra, đánh giá thông tin, dữ liệu cơ bản phục vụ công tác nghiên cứu, xây dựng định hướng chiến lược và quy hoạch về phòng, chống thiên tai:

- Điều tra hiện trạng phòng chống lũ quét, sạt lở đất tại những khu vực thường xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

- Điều tra, thu thập dữ liệu về dân cư, công trình hạ tầng ở bãi sông, ven sông, đánh giá khả năng thoát lũ hạ du một số lưu vực sông, hồ chứa lớn ở khu vực thường bị ngập lụt khi mưa lớn, hồ xả lũ làm cơ sở đề xuất các giải pháp đảm bảo thông thoáng dòng chảy, thoát lũ.

b) Về quy hoạch:

- Xây dựng phương án phòng chống thiên tai, phương án phát triển đê điều quy hoạch tỉnh.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành về phòng, chống thiên tai và liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, gồm: quy hoạch phòng chống lũ các tuyến sông có đê; quy hoạch đê điều; quy hoạch thủy lợi.

c) Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp; kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; cập nhật phương án ứng phó một số loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn, nhất là bão, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển theo quy định của Luật về phòng chống thiên tai.

6. Khoa học công nghệ

a) Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu sản xuất, điều chỉnh thời vụ, giống cây trồng, vật nuôi để chủ động phòng ngừa thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong phòng, chống thiên tai, nhất là trong quan trắc, theo dõi giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai; quản lý, vận hành công trình phòng, chống thiên tai; quản lý, vận hành hồ chứa nước nhằm khai thác hiệu quả nguồn nước; giám sát biến động bờ sông, bờ biển.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý thiên tai, mô phỏng lũ và ngập lụt; nghiên cứu đánh giá tác động làm gia tăng rủi ro thiên tai, nhất là lũ lụt, tác động của phát triển ở thượng nguồn đến thiên tai ở hạ du.

d) Nghiên cứu hoàn thiện các mô hình nhà ở, công trình an toàn thích ứng với điều kiện thiên tai từng vùng, nhất là những vùng thường xuyên xảy ra bão, ngập lụt; mô hình công trình trường học, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng an toàn, kết hợp sơ tán dân phòng chống thiên tai; công trình đê điều, thủy lợi và công trình khác có liên quan đến phòng, chống thiên tai.

đ) Nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới trong xây dựng, củng cố, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng, xử lý cấp bách công trình đê điều, phòng, chống thiên tai.

e) Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao trong quan trắc khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo thiên tai và giám sát biến đổi khí hậu; đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, xử lý số liệu khí tượng thủy văn.

7. Hợp tác quốc tế

a) Hợp tác quốc tế, trao đổi thông tin nhằm nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai, quản lý thảm họa và tìm kiếm cứu nạn.

b) Tham gia diễn tập ứng phó thiên tai, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai với các nước trong khu vực.

8. Đầu tư cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai

a) Phòng chống áp thấp nhiệt đới, bão, bão mạnh, siêu bão: Tập trung xây dựng, củng cố, nâng cấp khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp với dịch vụ hậu cần nghề cá theo quy hoạch. Tiếp tục trồng rừng phòng hộ ven biển; tu bổ, củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè biển; xây dựng, củng cố nhà kết hợp sơ tán dân khi có bão lũ lớn; xây dựng, củng cố hệ thống cảnh báo thiên tai đa mục tiêu.

b) Phòng chống lũ, ngập lụt: Triển khai các dự án tu bổ, nâng cấp hệ thống đê chống lũ, kiểm soát lũ, tăng cường khả năng thoát lũ; trồng rừng phòng hộ đầu nguồn.

c) Phòng chống lũ quét, sạt lở đất: Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo sớm lũ quét, sạt lở đất; công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất. Chủ động di dời, sắp xếp lại dân cư ở khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn, đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng để di dời dân cư (đối với những khu vực không thể bố trí sắp xếp dân cư theo hình thức xen ghép, phải bố trí sắp xếp dân cư tập trung).

d) Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển: Triển khai các dự án kè phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển; khôi phục rừng ngập mặn ven biển.

đ) Phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn: Triển khai các dự án xây dựng, nâng cấp hồ chứa nước; xây dựng công trình ngăn mặn; sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi phục vụ cấp nước chống hạn; kiểm soát nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước, trữ và cấp nước cho những vùng thường xuyên bị hạn hán.

e) Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất đảm bảo công tác theo dõi, giám sát, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai. Xây dựng, nâng cấp trung tâm dữ liệu phục vụ phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, TÌM KIẾM CỨU NẠN**

**1. Các biện pháp phi công trình**

a) Nhóm nhiệm vụ, đề án liên quan đến hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách phòng chống thiên tai.

b) Nhóm nhiệm vụ, đề án liên quan đến thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

c) Nhóm nhiệm vụ, đề án liên quan đến nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác tham mưu chỉ đạo phòng chống thiên tai.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai.

d) Nhóm nhiệm vụ, đề án điều tra cơ bản, xây dựng quy hoạch, kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai.

đ) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế trong phòng chống thiên tai.

*(Nhiệm vụ, đề án cụ thể tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này)*

**2. Đối với biện pháp công trình**

a) Nhóm các dự án phòng chống áp thấp nhiệt đới, bão, bão mạnh, siêu bão.

b) Nhóm các dự án phòng chống lũ, ngập lụt.

c) Nhóm các dự án phòng chống lũ quét, sạt lở đất.

d) Nhóm các dự án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

đ) Nhóm các dự án phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn.

*(Nhiệm vụ, đề án cụ thể tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này)*

**V. NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CẦN LỒNG GHÉP VÀO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH**

1. Nội dung liên quan đến đảm bảo không gian thoát lũ qua hệ thống đường bộ, đường sắt cần được lồng ghép vào quy hoạch mạng lưới đường bộ, đường sắt, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và kế hoạch phát triển của ngành giao thông vận tải.

2. Nội dung về bố trí dân cư, di dời những hộ dân sinh sống tại khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, ngập sâu; xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng (công sở, trường học, trạm xá, nhà văn hóa,...) kết hợp làm nơi sơ tán phòng, tránh thiên tai cho người dân cần được lồng ghép vào quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tỉnh, quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa phương, đồng thời cần được lồng ghép trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

3. Nội dung liên quan đến phòng chống hạn hán, mặn, lũ lụt, sạt lở bờ sông, bờ biển, lũ quét, sạt lở đất, sóng thần; xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước được lồng ghép vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch thủy lợi, quy hoạch lâm nghiệp và kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa phương.

4. Nội dung liên quan đến quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai (kể cả hệ thống chuyên dùng) được lồng ghép vào quy hoạch mạng lưới khí tượng thủy văn và kế hoạch phát triển ngành khí tượng thủy văn, công thương, nông nghiệp và phát triển nông thôn, giao thông vận tải và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương.

5. Nội dung liên quan đến truyền thông, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch phát triển các ngành thông tin và truyền thông; giáo dục và đào tạo; nông nghiệp và phát triển nông thôn và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa phương.

6. Nội dung liên quan đến nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, vận hành, khai thác, xây dựng công trình phòng, chống thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch phát triển của ngành khoa học và công nghệ, kế hoạch phát triển của các ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và địa phương.

7. Nội dung liên quan đến hợp tác quốc tế cần được lồng ghép vào kế hoạch của ngành ngoại giao, nông nghiệp và phát triển nông thôn, tài nguyên và môi trường.

8. Nội dung liên quan đến xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật; tuyên truyền phổ biến pháp luật; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống thiên tai được lồng ghép vào nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của các Sở, ban, ngành, địa phương.

**VI. NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ HÀNG NĂM VÀ 05 NĂM ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI**

1. Nguồn lực thực hiện

a) Ngân sách nhà nước, bao gồm: Vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh.

c) Nguồn vốn xã hội hóa cho các hoạt động phòng, chống thiên tai.

2. Tiến độ thực hiện: Được sắp xếp phân bổ trong phạm vi vốn đầu tư phát triển; kinh phí sự nghiệp kinh tế, quỹ phòng, chống thiên tai và nguồn vốn xã hội hóa cho các hoạt động phòng, chống thiên tai được bố trí hàng năm.

**VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của Sở, ban, ngành, địa phương; xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện nội dung của kế hoạch theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ được giao; xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương. Tổ chức thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nội dung của kế hoạch, các chương trình, đề án, dự án phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý. Đẩy mạnh thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, chú trọng tổ chức bộ máy, huy động nguồn lực cho lực lượng xung kích tại cơ sở, cộng đồng theo phương châm “4 tại chỗ”; huy động nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch phòng, chống thiên tai của các Sở, ban, ngành và địa phương; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh:

- Hàng năm, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách từng địa bàn, lĩnh vực.

- Xây dựng phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ điều hành hỗ trợ, ra quyết định.

- Giao Văn phòng Ban Chỉ huy thường xuyên theo dõi tình hình khí tượng thủy văn, thiên tai, bão, lũ,... để chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả.

3. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:chỉ đạo chuyển đổi cây trồng, mùa vụ để chủ động phòng, tránh thiên tai; Chỉ đạo nắm chắc vị trí, số lượng tàu cá, thuyền viên đang hoạt động đánh bắt thủy sản xa bờ để kịp thời hướng dẫn di chuyển phòng, tránh, neo đậu đảm bảo an toàn khi xảy ra thiên tai; Tổ chức hướng dẫn, bố trí neo đậu tránh trú an toàn cho các tàu thuyền hoạt động đánh bắt thủy sản khi có bão, áp thấp nhiệt đới xảy ra. Tập huấn nâng cao năng lực lự cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai. Tổ chức kiểm tra an toàn công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai trước mùa mưa bão hàng năm và đề xuất các biện pháp đảm bảo an toàn công trình xung yếu. Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng; mua sắm, trang bị phương tiện, dụng cụ, công cụ phòng cháy, chữa cháy rừng; thực hiện biện pháp lâm sinh phòng cháy rừng. Ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng hệ thống theo dõi giám sát thiên tai và an toàn công trình phòng, chống thiên tai phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

- Xây dựng, kiện toàn lực lượng tìm kiếm cứu nạn. Chỉ đạo nâng cao năng lực của lực lượng tìm kiếm cứu nạn; tổ chức huấn luyện, diễn tập cứu hộ, cứu nạn trong các tình huống thiên tai, sự cố; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ tìm kiếm cứu nạn phù hợp với đặc điểm thiên tai, điều kiện từng khu vực. Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng phó, xử lý, khắc phục các tình huống thiên tai, sự cố và tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Chỉ đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức lực lượng, sẵn sàng phương tiện, trang thiết bị, vật tư chuyên dùng để ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

5. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh xây dựng, kiện toàn lực lượng tìm kiếm cứu nạn. Chỉ đạo nâng cao năng lực của lực lượng tìm kiếm cứu nạn; tổ chức huấn luyện cứu hộ, cứu nạn trong các tình huống thiên tai, sự cố; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ tìm kiếm cứu nạn phù hợp với đặc điểm thiên tai, điều kiện từng khu vực. Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng phó, xử lý, khắc phục các tình huống thiên tai, sự cố và tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “4 tại chỗ”, nhất là nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn trên biển.

6. Công an tỉnh chỉ đạo xây dựng các phương án sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị thuộc quyền quản lý phục vụ công tác phòng, chống thiên tai để chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng và chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ ứng phó thiên tai, cứu hộ cứu nạn khi có yêu cầu.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật, cơ chế chính sách trong hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo, thông tin về khí tượng thủy văn; tổ chức thực hiện các hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn và tác động của các loại hình thiên tai; xác định, đánh giá rủi ro thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai. Lập, điều chỉnh quy hoạch liên quan đến tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và quy hoạch khác có liên quan đến phòng, chống thiên tai. Phối hợp với các ngành, địa phương tổ chức kiểm soát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản, cát sỏi lòng sông, nước ngầm hạn chế làm tăng nguy cơ sạt lở.

8. Sở Giao thông vận tải rà soát, chú trọng công tác bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai trong quá trình nghiên cứu, xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông đường bộ, nhất là ở khu vực thường xảy ra lũ lụt, khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở; từng bước cải tạo, nâng cấp các tuyến giao thông đường bộ hiện có để nâng cao khả năng thoát lũ. Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Bộ Giao thông Vận tải sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

9. Sở Xây dựng rà soát, chú trọng công tác bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện thiên tai từng vùng. Rà soát quy chuẩn, tiêu chuẩn thoát nước của đô thị, khu dân cư trong điều kiện tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp; định hướng xây dựng quy định tiêu chí đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở. Hướng dẫn chi tiết phân loại nhà an toàn đối với bão mạnh, siêu bão, động đất, xây dựng nhà ở phòng chống thiên tai phù hợp với điều kiện thiên tai từng vùng; tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, đề án xây dựng nhà ở chống bão, lũ.

10. Sở Công thương chỉ đạo rà soát, chú trọng công tác bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch của ngành, nhất là quy hoạch điện lực. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai thuộc lĩnh vực quản lý, nhất là trong công tác đảm bảo an toàn đập thủy điện, hệ thống điện, sản xuất công nghiệp, hoạt động khai thác mỏ và chế biến khoáng sản *(trừ vật liệu xây dựng thông thường)*. Chỉ đạo xây dựng các phương án, kịch bản bảo đảm cung cấp lương thực, hàng hóa thiết yếu trong các tình huống thiên tai.

11. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển để đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về Đầu tư công; tham mưu lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

12. Sở Tài chính cân đối, bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp theo quy định về phân cấp ngân sách và pháp luật về ngân sách Nhà nước để thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổ chức thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nội dung của kế hoạch, các chương trình, đề án, dự án phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý. Đẩy mạnh thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, chú trọng tổ chức bộ máy, huy động nguồn lực cho lực lượng xung kích tại cơ sở, cộng đồng theo phương châm “4 tại chỗ”. Bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia từ nguồn ngân sách địa phương, đồng thời huy động nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương và kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch ở các cấp địa phương./.

**Phụ lục I**

**NHÓM NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHI CÔNG TRÌNH***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án** | **Cơ quan chủ trì thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| **I** | **Thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, kỹ năng, nâng cao nhận thức về phòng chống thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng** |
| 1 | Thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030 | Các Sở, ban, ngành liên quan và địa phương | 2022 - 2025 |
| 2 | Hướng dẫn kỹ năng phòng, chống thiên tai cho cộng đồng và người dân | Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp | 2022 - 2025 |
| 3 | Thông tin, truyền thông phổ biến pháp luật, cơ chế chính sách về phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai | Các Sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| 4 | Nâng cao năng lực quản lý, di dời dân cư, cơ sở hạ tầng vùng ven sông, suối, kênh, rạch, vùng thường xuyên ngập lụt, khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| **II** | **Nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai** |   |   |
| ***1*** | ***Tổ chức, bộ máy phòng chống thiên tai*** |   |   |
| a | Kiện toàn tổ chức, bộ máy và xây dựng lực lượng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả từ tỉnh đến địa phương | Sở Nội vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương | 2022 - 2025 |
| b | Kiện toàn lực lượng xung kích phòng chống thiên tai ở cơ sở | Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã | 2022 - 2025 |
| 2 | ***Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác tham mưu chỉ đạo phòng chống thiên tai*** |   |   |
| a | Đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN các cấp | Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp | 2022 - 2025 |
| b | Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ điều hành, hỗ trợ ra quyết định | Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp | 2022 - 2025 |
| c | Xây dựng Đề án mua sắm trang thiết bị chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai từ tỉnh đến địa phương | Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp | 2022 - 2025 |
| *3* | ***Đào tạo, tập huấn, diễn tập nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai*** |   |   |
| a | Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai từ tỉnh đến địa phương | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ban, ngành và các địa phương | 2022 - 2025 |
| b | Diễn tập nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy điều hành phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn và phối hợp hiệp đồng các lực lượng trong TKCN | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với các Sở, ban, ngành và các địa phương | 2022 - 2025 |
| **III** | **Điều tra cơ bản, quy hoạch, kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai** |   |   |
| ***1*** | ***Điều tra cơ bản*** |   |   |
|  | Điều tra hiện trạng về lũ quét, sạt lở đất khu vực miền núi; hiện trạng về dân cư, cơ sở hạ tầng ở bãi sông, ven sông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2024 |
| ***2*** | ***Quy hoạch*** |   |   |
|  | Xây dựng quy hoạch tỉnh *(có lồng ghép nội dung về phòng chống thiên tai)* | Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở, ban, ngành và các địa phương  | 2022 - 2023 |
| ***3*** | ***Kế hoạch*** |   |   |
| a | Xây dựng, rà soát kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh và các cấp địa phương | Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã | 2022 - 2025 |
| b | Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 | Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã  | 2022 - 2025 |
| c | Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông; kế hoạch phòng chống bão mạnh, siêu bão, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn | Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| ***4*** | ***Xây dựng phương án phòng chống thiên tai*** |   |   |
| a | Xây dựng, rà soát phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển. | Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| b | Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định bảo đảm yêu cầu phòng chống thiên tai đối với việc xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và quản lý, vận hành sử dụng công trình theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai | Các Sở, ban, ngành và các địa phương | 2022 - 2025 |

**Phụ lục II**

**CÁC NHÓM DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2022*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm dự án** | **Cơ quan chủ trì thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| **I** | **Phòng chống áp thấp nhiệt đới, bão, bão mạnh, siêu bão** |
| 1 | Xây dựng, củng cố, nâng cấp khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, kết hợp với dịch vụ hậu cần nghề cá | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển | 2022 - 2025 |
| 2 | Tu bổ, củng cố, nâng cấp hệ thống đê, kè biển và khu vực cửa sông | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển | 2022 - 2025 |
| 3 | Xây dựng, củng cố nhà kết hợp sơ tán dân | Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ven biển | 2022 - 2025 |
| 4 | Trồng rừng phòng hộ ven biển | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2022 - 2025 |
| **II** | **Phòng chống lũ, ngập lụt** |
| 1 | Xây dựng, tu bổ, nâng cấp hệ thống đê điều; hệ thống công trình kiểm soát lũ; hệ thống đê bao, bờ bao | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| 2 | Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi; nạo vét, nâng cấp công trình trên sông, ven sông, kênh, rạch tăng cường khả năng thoát lũ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| 3 | Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2022 - 2025 |
| 4 | Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ, ngập lụt đến nơi an toàn;  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố liên quan | 2022 - 2025 |
| **III** | **Phòng chống lũ quét, sạt lở đất** |
| 1 | Xây dựng công trình phòng chống lũ quét, sạt lở đất và cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| 2 | Chủ động di dời dân cư ra khỏi các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| 3 | Cải tạo, nạo vét, thanh thải vật cản trên các sông, suối tăng cường khả năng thoát lũ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| **IV** | **Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển** |   |   |
| 1 | Xây dựng công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, công trình chính trị sông tại các phân lưu, hợp lưu đảm bảo ổn định tỷ lệ phân lưu | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| 2 | Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở bờ sông, bờ biển | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| **V** | **Phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn** |   |   |
| 1 | Xây dựng, nâng cấp hồ chứa nước, công trình, hệ thống công trình kiểm soát mặn; nạo vét kênh, rạch kết hợp trữ nước chống hạn phục vụ sản xuất, sinh hoạt. Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; diễn tập phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng.  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | 2022 - 2025 |
| **VI** | **Xây dựng trung tâm điều hành và dữ liệu phòng chống thiên tai** |   |   |
| 1 | Xây dựng, củng cố, nâng cấp Trung tâm phòng chống thiên tai cấp tỉnh | Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh | 2022 - 2025 |
| 2 | Xây dựng, nâng cấp hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo các loại hình thiên tai | Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  | 2022 - 2025 |